

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Tư vấn xây dựng điện 3 thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) được kiểm toán năm 2023 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: TV3
- Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm, phường Võ Thị Sáu, quận 3, TP.HCM
- Điện thoại liên hệ/Tel: (028) 2221 0973 Fax: (028) 3930 7938
- Email: pecc3@pecc3.com.vn Website: www.pecc3.com.vn

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023 được kiểm toán
 - BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
 - BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
 - BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2023):

- Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

- Có Không



+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 01/3/2024 tại đường dẫn: <https://www.pecc3.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cao-tai-chinh/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2023:

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch: Khảo sát, Thiết kế kỹ thuật, Thiết kế bản vẽ thi công dự án Thủy điện Nậm Neun 1 (Lào).
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất): 48,92%
- Ngày hoàn thành giao dịch: 48 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC năm 2023 được kiểm toán;
- Văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận so với cùng kỳ năm trước của đơn vị kế toán cấp trên và báo cáo tài chính tổng hợp.

Đại diện tổ chức

Người UQCBTT



Nguyễn Văn Long

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Tháng 02 năm 2024

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KÊ TOÁN TỔNG HỢP	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	9 - 35

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Chủ tịch
Ông Lạc Thái Phước	Thành viên
Ông Trần Quốc Điền	Thành viên
Ông Trần Lê Minh	Thành viên
Ông Võ Văn Phương	Thành viên độc lập

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lạc Thái Phước	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 10 tháng 7 năm 2023)
Ông Trần Quốc Điền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Thắng	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Trương Thị Anh Đào	Trưởng Ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Minh Hiếu	Thành viên
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên

Người đại diện pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

Họ tên

Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn
Ông Lạc Thái Phước

Chức vụ

Chủ tịch (Miễn nhiệm từ ngày 18 tháng 01 năm 2024)
Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 10 tháng 7 năm 2023)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Lạc Thái Phước
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Số: 030/VACO/BCKiT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2024, từ trang 05 đến trang 35, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (gọi chung là “Báo cáo tài chính tổng hợp”).

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 32, Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp về các khoản nợ tiềm tàng của Công ty. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



Nguyễn Ngọc Thạch

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2023-156-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO

Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Nguyễn Thị Thu Hiền

Kiểm toán viên

Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 4262-2023-156-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		178.379.172.634	153.815.229.889
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	26.229.294.323	17.305.776.510
1. Tiền	111		16.229.294.323	10.305.776.510
2. Các khoản tương đương tiền	112		10.000.000.000	7.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5	220.790.000	220.790.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		220.790.000	220.790.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		111.295.846.049	108.394.593.134
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	134.506.140.070	133.452.180.500
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	6.087.423.480	1.393.891.800
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	3.825.954.801	3.869.647.268
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(33.123.672.302)	(30.321.126.434)
IV. Hàng tồn kho	140	10	39.916.171.590	26.546.339.757
1. Hàng tồn kho	141		39.916.171.590	26.546.339.757
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		717.070.672	1.347.730.488
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	717.070.672	571.254.608
2. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	16	-	776.475.880
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		105.570.317.593	115.646.141.003
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		35.648.088.819	42.311.651.884
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	35.165.088.819	41.828.651.884
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	483.000.000	483.000.000
II. Tài sản cố định	220		15.386.676.290	17.003.447.583
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	6.904.291.767	8.409.174.876
- Nguyên giá	222		57.801.004.100	57.104.975.261
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(50.896.712.333)	(48.695.800.385)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	8.482.384.523	8.594.272.707
- Nguyên giá	228		21.284.885.526	20.880.885.526
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(12.802.501.003)	(12.286.612.819)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	291.600.000
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	291.600.000
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5	53.150.000.000	53.150.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		53.150.000.000	53.150.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.385.552.484	2.889.441.536
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	1.385.552.484	2.734.144.184
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	155.297.352
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		283.949.490.227	269.461.370.892

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		134.520.751.240	127.412.651.562
I. Nợ ngắn hạn	310		134.520.751.240	127.412.651.562
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	16.427.812.841	5.022.638.285
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	25.355.058.149	24.302.895.409
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	5.822.375.573	3.619.392.482
4. Phải trả người lao động	314		38.974.249.265	44.052.600.489
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.913.450.787	3.358.875.181
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	17	17.410.631.737	20.915.441.921
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	18	21.086.459.781	21.526.484.688
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.530.713.107	4.614.323.107
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		149.428.738.987	142.048.719.330
I. Vốn chủ sở hữu	410	19	149.428.738.987	142.048.719.330
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		95.173.030.000	95.173.030.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		95.173.030.000	95.173.030.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(140.000)	(140.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.082.000.000	25.116.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		23.173.848.987	21.759.829.330
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		8.346.184.830	1.874.106.297
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		14.827.664.157	19.885.723.033
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		283.949.490.227	269.461.370.892



Lạc Thái Phước
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thủy
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		200.933.522.638	251.241.254.893
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		7.773.897	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	22	200.925.748.741	251.241.254.893
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	23	132.871.364.048	157.450.682.211
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		68.054.384.693	93.790.572.682
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	6.416.182.892	6.985.457.089
7. Chi phí tài chính	22	26	1.855.851.227	747.915.038
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		736.151.136	505.951.005
8. Chi phí bán hàng	25	27	12.555.986.085	22.034.324.598
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	42.460.505.645	54.790.103.937
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		17.598.224.628	23.203.686.198
11. Thu nhập khác	31		945.443.121	1.305.558.552
12. Chi phí khác	32		828.212.965	906.358.055
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		117.230.156	399.200.497
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		17.715.454.784	23.602.886.695
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	28	2.732.493.275	3.717.163.662
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		155.297.352	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		14.827.664.157	19.885.723.033
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	29	1.402	1.807



Lạc Thái Phước
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	17.715.454.784	23.602.886.695
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.716.800.132	3.586.968.695
- Các khoản dự phòng	03	2.802.545.868	6.004.753.205
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(45.255.399)	11.498.150
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(6.267.211.008)	(6.852.876.718)
- Chi phí lãi vay	06	736.151.136	505.951.005
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	17.658.485.513	26.859.181.032
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	1.790.861.389	30.825.033.624
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(13.369.831.833)	(5.401.956.639)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kê lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.675.544.896	(77.070.528.922)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.202.775.636	1.077.879.369
- Tiền lãi vay đã trả	14	(736.151.136)	(505.951.005)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(299.476.711)	(8.104.531.314)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(1.772.610.000)	(1.059.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	6.149.597.754	(33.380.673.855)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(808.428.839)	(856.753.661)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	-	795.021.053
3. Tiền thu hồi cho vay	24	-	4.000.000.000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	6.255.330.453	6.889.998.940
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	5.446.901.614	10.828.266.332
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	37.129.662.499	40.952.504.106
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(37.569.687.406)	(36.826.295.989)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(2.235.471.375)	(258.332.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(2.675.496.282)	3.867.875.717
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	8.921.003.086	(18.684.531.806)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	17.305.776.510	35.993.379.842
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	2.514.727	(3.071.526)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	26.229.294.323	17.305.776.510



Lạc Thái Phước
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy
Người lập biểu

Các thuyết minh kèm theo là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính tổng hợp

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

1. THÔNG TIN KHAI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 3 theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công Thương). Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0301475102 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần 15 ngày 18 tháng 01 năm 2024.

Vốn điều lệ của Công ty là: 95.173.030.000 VND, chia thành 9.517.303 cổ phần với mệnh giá là 10.000 đồng/cổ phần.

Ngày 01 tháng 12 năm 2009, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TV3.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 408 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 449 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Kiểm định chất lượng xây dựng; chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng. Đo đạc bản đồ và vẽ bản đồ địa chính. Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực. Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy - nhiệt điện - nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt), dự án đường dây tải điện và trạm biến áp. Lập tổng dự toán công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện - nhiệt điện, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình xây dựng. Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng. Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình. Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông). Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình. Giám sát công tác lắp đặt phân điện công trình công nghiệp. Giám sát công tác phần điện và thiết bị điện công trình đường dây và trạm biến áp. Tư vấn quản lý dự án. Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp. Thẩm tra thiết kế công trình. Tư vấn lập hồ sơ: Đề bù giải phóng mặt bằng, di dân tái định canh, định cư các công trình nguồn, lưới điện và các công trình xây dựng khác. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. Thiết kế công trình đường bộ. Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước theo tuyến. Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông cầu - đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện: Công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm định chất lượng công trình. Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng. Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện).

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính
Chi nhánh miền Trung	Đường 23/10 KDC Tây Cầu Dứa, Xã Vĩnh Hiệp, TP. Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện	32 Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh	Tư vấn, khảo sát, thiết kế

2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đàm bào đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Giao dịch nội bộ và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp (Tiếp theo)

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Đầu tư tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a và b trên đây) Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy do đó Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính, thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ: Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí trả trước khác: Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không trích khấu hao.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

Chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính tổng hợp và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty TNHH VP INVEST	Cổ đông lớn
Các Công ty con và Công ty liên kết do Tập đoàn Điện lực Việt Nam đầu tư và chi phối	Cùng tập đoàn
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	Quản lý chủ chốt

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Tiền mặt	1.668.482.444	73.758.335
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	14.560.811.879	10.232.018.175
Các khoản tương đương tiền	10.000.000.000	7.000.000.000
<i>Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng</i>	<i>10.000.000.000</i>	<i>7.000.000.000</i>
Cộng	26.229.294.323	17.305.776.510

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND
a) Chứng khoán kinh doanh	220.790.000	1.350.488.700	-	220.790.000	1.206.365.400	-
Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Trung (i)	220.790.000	1.350.488.700	-	220.790.000	1.206.365.400	-
b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	53.150.000.000	7.812.000.000	-	53.150.000.000	6.300.000.000	-
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (ii)	3.150.000.000	7.812.000.000	-	3.150.000.000	6.300.000.000	-
Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình (iii)	50.000.000.000	(*)	-	50.000.000.000	(*)	-
Cộng	53.370.790.000	9.162.488.700	-	53.370.790.000	7.506.365.400	-

Ghi chú:

- (i) Khoản đầu tư vào cổ phiếu được niêm yết trên sàn HOSE với số lượng 53.379 cổ phiếu. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn HOSE tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.
- (ii) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với số lượng cổ phiếu sở hữu là 315.000 cổ phiếu, tỷ lệ góp là 0,86% tổng vốn điều lệ. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn UPCOM tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.
- (iii) Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình có Vốn điều lệ là 500.000.000.000 VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 10% tổng Vốn điều lệ.
- (*) Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Công ty đã xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào các đơn vị đã niêm yết trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán tại ngày kết thúc năm tài chính và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ. Tuy nhiên, một số khoản đầu tư vào đơn vị khác chưa niêm yết và hiện chưa có thông tin hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết nên Công ty không trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	<u>134.506.140.070</u>	<u>133.452.180.500</u>
a1) Bên liên quan	<u>82.258.332.693</u>	<u>100.113.710.002</u>
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	22.908.527.147	10.484.654.371
Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	19.457.049.128	19.377.919.364
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	11.835.120.856	29.161.187.150
Ban QLDA Truyền tải điện (NPTPNB)	7.612.040.431	9.122.042.237
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	6.518.900.365	7.356.197.179
Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân	4.510.961.665	4.570.954.543
Công ty CP Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	4.495.485.171	8.837.969.155
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	1.760.458.303	383.944.895
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	1.326.366.807	4.609.593.932
Ban QLDA Nhiệt điện 3	684.951.001	427.759.528
Ban Quản lý dự án Điện 2	558.906.600	159.138.000
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4	417.924.360	-
Ban QLDA Lưới Điện miền Nam	93.014.341	906.644.869
Công ty Truyền tải điện 3 - EVN	78.626.518	379.932.724
Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nah	-	1.316.581.938
Ban QLDA lưới điện TP. HCM - HCM PC	-	1.105.318.638
Công ty CP Tư vấn XD điện 1	-	770.428.746
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	-	664.727.120
Công ty Phát triển thủy điện Sê San	-	297.490.909
Công ty Truyền tải điện 3 - Truyền tải điện Bình Định	-	178.282.188
Công ty Điện Lực Sài Gòn	-	2.942.516
a2) Đối tượng khác	<u>52.247.807.377</u>	<u>33.338.470.498</u>
Công ty TNHH LEGO Manufacturing Việt Nam	13.832.994.394	-
Công ty TNHH Điện lực Hiệp Phước	9.538.527.272	9.538.527.272
Khác	28.876.285.711	23.799.943.226

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
b) Dài hạn	35.165.088.819	41.828.651.884
b1) Bên liên quan	24.388.448.711	30.664.595.658
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	9.604.728.943	10.965.966.747
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	4.025.016.390	7.469.484.625
Ban QLDA Truyền tải điện (NPTPNB)	2.419.723.282	1.820.526.204
Ban QLDA Lưới điện TP. HCM - HCM PC	2.053.835.487	2.178.912.544
Tổng công ty Điện lực miền Nam TNHH	1.408.264.447	1.408.264.447
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	1.159.247.658	4.012.476.975
Ban QLDA Lưới Điện miền Nam	748.593.427	217.540.795
Ban Quản lý dự án Điện 2	702.180.988	702.180.988
Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	428.838.511	412.792.570
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	295.053.692	258.837.962
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	272.983.586	-
Công ty Điện lực Cà Mau	197.286.504	197.286.504
Ban QLDA Phát triển Điện Lực	190.915.455	190.915.455
Công ty Thủy điện An Khê - Ka Nah	175.544.258	-
Công ty CP Thủy điện La Ngâu	160.318.500	160.318.500
Công ty CP ĐTKD Điện lực TPHCM	139.846.386	139.846.386
CN Tổng Công ty truyền tải điện Quốc gia - Công ty Truyền tải Điện 4	107.680.300	114.180.300
Ban QLDA Nhiệt điện 3	93.059.450	93.059.450
Công ty CP Tư vấn XD điện 1	91.060.984	91.060.984
Công ty Nhiệt điện Cần Thơ	41.335.569	41.335.569
Ban QLDA Điện nông thôn Miền Trung	37.844.343	11.571.856
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	35.090.551	62.776.797
Công ty DV Sửa chữa các nhà máy điện EVNGENCO 3	-	115.260.000
b2) Đối tượng khác	10.776.640.108	11.164.056.226
Khác	10.776.640.108	11.164.056.226
Cộng	169.671.228.889	175.280.832.384

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Giá trị</u>
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP XD và Chuyển giao Công nghệ Việt Nam	2.115.000.000	2.115.000.000	-	-
Công ty TNHH Xây dựng và TTNT Bình Minh	2.022.081.080	2.022.081.080	-	-
Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi Việt Nam - CTCP	641.443.000	641.443.000	641.443.000	641.443.000
Khác	1.308.899.400	1.308.899.400	752.448.800	752.448.800
Cộng	6.087.423.480	6.087.423.480	1.393.891.800	1.393.891.800

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	3.825.954.801	3.869.647.268
Tạm ứng cho nhân viên	2.949.915.857	2.999.744.487
Khác	876.038.944	869.902.781
b) Dài hạn	483.000.000	483.000.000
Ký quỹ, ký cược	483.000.000	483.000.000
Cộng	4.308.954.801	4.352.647.268

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Bên liên quan	20.805.739.777	1.105.569.037	(19.700.170.740)	20.206.123.772	6.091.895.819	(14.114.227.953)
Ban Quản lý Dự án Thủy điện sông Bung 2	19.392.865.364	696.300.025	(18.696.565.339)	19.377.919.364	6.091.895.819	(13.286.023.545)
Các bên liên quan khác	1.412.874.413	409.269.012	(1.003.605.401)	828.204.408	-	(828.204.408)
b) Các đối tượng khác	19.829.607.009	6.406.105.447	(13.423.501.562)	25.559.542.122	9.352.643.641	(16.206.898.481)
Công ty CP Thủy điện Thiên Tân	-	-	-	5.100.415.846	-	(5.100.415.846)
Công ty TNHH Điện lực Hiệp Phước	9.538.527.272	3.729.763.636	(5.808.763.636)	9.538.527.272	5.752.969.090	(3.785.558.182)
Các khách hàng khác	10.291.079.737	2.676.341.811	(7.614.737.926)	10.920.599.004	3.599.674.551	(7.320.924.453)
Cộng	40.635.346.786	7.511.674.484	(33.123.672.302)	45.765.665.894	15.444.539.460	(30.321.126.434)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

10. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	90.598.728	-	96.900.759	-
Công cụ, dụng cụ	1.437.617	-	1.782.508	-
Chi phí SXKD dở dang	39.824.135.245	-	26.447.656.490	-
Cộng	39.916.171.590	-	26.546.339.757	-

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn	717.070.672	571.254.608
Công cụ dụng cụ xuất dùng	41.782.077	45.365.102
Chi phí phần mềm	675.288.595	525.889.506
b) Dài hạn	1.385.552.484	2.734.144.184
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.302.231.610	2.340.003.920
Chi phí phần mềm	83.320.874	394.140.264
Cộng	2.102.623.156	3.305.398.792

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	13.196.031.024	18.209.212.091	17.493.444.426	8.206.287.720	57.104.975.261
- Mua trong năm	-	-	-	696.028.839	696.028.839
Số dư cuối năm	13.196.031.024	18.209.212.091	17.493.444.426	8.902.316.559	57.801.004.100
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	9.669.433.953	15.559.161.990	16.050.246.454	7.416.957.988	48.695.800.385
- Khấu hao trong năm	783.589.712	1.174.698.815	421.196.839	597.913.342	2.977.398.708
- Giảm khác (i)	(776.486.760)	-	-	-	(776.486.760)
Số dư cuối năm	9.676.536.905	16.733.860.805	16.471.443.293	8.014.871.330	50.896.712.333
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	3.526.597.071	2.650.050.101	1.443.197.972	789.329.732	8.409.174.876
Tại ngày cuối năm	3.519.494.119	1.475.351.286	1.022.001.133	887.445.229	6.904.291.767

Ghi chú:

- (i) Công ty điều chỉnh giảm khấu hao Tài sản cố định hữu hình trong năm tương ứng với giá trị khấu hao đã trích bổ sung trong năm 2020 đối với TSCĐ là nhà cửa và vật kiến trúc theo Tờ trình số 1004/TVĐ3-KT ngày 03 tháng 4 năm 2023 của Quyền Tổng Giám đốc - Ông Lạc Thái Phước.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 28.439.871.365 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 23.211.151.560 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	10.257.146.572	10.623.738.954	20.880.885.526
- Mua trong năm	-	404.000.000	404.000.000
Số dư cuối năm	10.257.146.572	11.027.738.954	21.284.885.526
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư đầu năm	2.034.286.965	10.252.325.854	12.286.612.819
- Khấu hao trong năm	172.446.096	343.442.088	515.888.184
Số dư cuối năm	2.206.733.061	10.595.767.942	12.802.501.003
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày đầu năm	8.222.859.607	371.413.100	8.594.272.707
Tại ngày cuối năm	8.050.413.511	431.971.012	8.482.384.523

Nguyên giá của TSCĐ vô hình bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 10.143.826.204 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 9.110.614.204 VND).

Công ty đã thế chấp Quyền sử dụng đất tại Quận 2 - Thửa đất số 143 với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 2.556.070.875 VND nhằm đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 18).

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây lắp điện Số Năm	9.496.540.000	9.496.540.000	-	-
Khác	6.931.272.841	6.931.272.841	5.022.638.285	5.022.638.285
Cộng	16.427.812.841	16.427.812.841	5.022.638.285	5.022.638.285

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Bên liên quan	<u>21.156.250.507</u>	<u>21.298.732.495</u>
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam	5.810.518.235	6.292.089.514
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	3.743.072.742	3.804.770.490
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	3.504.311.506	3.926.259.367
Ban QLDA Lưới điện miền Nam	1.946.246.000	1.946.246.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Đồng Nai	1.120.419.900	164.794.860
Ban QLDA Lưới điện Miền Trung	1.061.368.513	1.061.368.513
Ban QLDA Truyền tải điện (NPTPNB)	596.292.000	1.112.231.200
Ban QLDA Lưới điện TP. Hồ Chí Minh	515.371.971	515.371.971
Ban Quản lý dự án Điện 3	470.625.000	470.625.000
Công ty Điện lực Bình Phước	467.232.000	-
Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân	437.500.000	437.500.000
Ban QLDA Nhiệt điện 3	391.937.482	321.068.834
Công ty TNHH MTV Nhiệt điện Cần Thơ	207.613.605	92.161.685
Công ty Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	250.128.000	-
CN Tổng Công ty truyền tải điện Quốc gia - Công ty Truyền tải Điện 4	190.445.250	190.445.250
Công ty CP Thủy điện Sông Ba Hạ	178.647.905	-
Công ty Nhiệt điện Duyên Hải	130.082.135	-
Công ty CP Phát triển Điện Lực Việt Nam	100.438.263	100.438.263
Công ty CP Phong Điện Thuận Bình	34.000.000	823.000.000
Ban Quản lý dự án Điện 2	-	40.361.548
b) Đối tượng khác	<u>4.198.807.642</u>	<u>3.004.162.914</u>
Khác	4.198.807.642	3.004.162.914
Cộng	<u>25.355.058.149</u>	<u>24.302.895.409</u>

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp/ thu</u>	<u>Số đã nộp/ thu</u>	<u>Số cuối năm</u>
	VND	trong năm	trong năm	VND
a) Phải thu	VND	VND	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	776.475.880	776.475.880	-	-
Cộng	<u>776.475.880</u>	<u>776.475.880</u>	<u>-</u>	<u>-</u>
b) Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	3.538.310.040	8.370.237.310	(7.831.630.264)	4.076.917.086
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	1.956.017.395	(299.476.711)	1.656.540.684
Thuế thu nhập cá nhân	81.082.442	8.384.026.031	(8.376.190.670)	88.917.803
Các loại thuế, phí khác	-	312.777.061	(312.777.061)	-
Cộng	<u>3.619.392.482</u>	<u>19.023.057.797</u>	<u>(16.820.074.706)</u>	<u>5.822.375.573</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

17. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	773.209.620	596.358.900
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	77.917.704	536.622.218
Phải trả cổ tức cho cổ đông	3.326.203.000	803.029.875
Phải trả về khoản tạm thu thuế TNCN	4.502.711.154	10.830.210.437
Chi phí công trình phải trả	7.913.052.059	7.285.015.811
Khác	817.538.200	864.204.680
Cộng	<u>17.410.631.737</u>	<u>20.915.441.921</u>

18. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i)	6.614.639.723	6.614.639.723	26.280.403.517	(20.854.116.141)	12.040.927.099	12.040.927.099
Công đoàn Công ty (ii)	-	-	3.000.000.000	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Cán bộ công nhân viên (iii)	14.911.844.965	14.911.844.965	7.849.258.982	(16.715.571.265)	6.045.532.682	6.045.532.682
Cộng	<u>21.526.484.688</u>	<u>21.526.484.688</u>	<u>37.129.662.499</u>	<u>(37.569.687.406)</u>	<u>21.086.459.781</u>	<u>21.086.459.781</u>

Ghi chú:

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Hồ Chí Minh nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay là 6,3%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi vay trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất tại Quận 2 - Thửa đất số 143.
- (ii) Đây là khoản vay từ Công đoàn của Công ty. Văn phòng Công ty và Công đoàn đã ký các biên bản thỏa thuận về việc sẽ cho Văn phòng Công ty vay tín chấp số tiền lương chưa chi trả với lãi suất 0%/năm, thời hạn vay đến ngày 10 tháng 3 năm 2024.
- (iii) Đây là khoản vay lại cán bộ công nhân viên từ khoản tiền lương đã được duyệt chi. Công ty và các phòng ban đã ký các biên bản thỏa thuận về việc sẽ cho Công ty vay tín chấp số tiền lương chưa chi trả với lãi suất 0%/năm, thời hạn vay đến ngày 31 tháng 3 năm 2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	LNST chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm trước	82.760.800.000	(140.000)	19.072.000.000	23.056.336.297	124.888.996.297
- Lãi trong năm	-	-	-	19.885.723.033	19.885.723.033
- Chia lợi nhuận	12.412.230.000	-	-	(12.412.230.000)	-
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi, Ban Điều hành	-	-	-	(2.726.000.000)	(2.726.000.000)
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển	-	-	6.044.000.000	(6.044.000.000)	-
Số dư đầu năm nay	95.173.030.000	(140.000)	25.116.000.000	21.759.829.330	142.048.719.330
- Lãi trong năm	-	-	-	14.827.664.157	14.827.664.157
- Chia lợi nhuận (i)	-	-	-	(4.758.644.500)	(4.758.644.500)
- Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi, Ban Điều hành (ii)	-	-	-	(2.689.000.000)	(2.689.000.000)
- Trích Quỹ Đầu tư phát triển (ii)	-	-	5.966.000.000	(5.966.000.000)	-
Số dư cuối năm nay	95.173.030.000	(140.000)	31.082.000.000	23.173.848.987	149.428.738.987

Ghi chú:

- (i) Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023 số 135/NQ- ĐHĐCĐ-TVĐ3 ngày 22 tháng 6 năm 2023 đã quyết định phân phối lợi nhuận năm 2022 bằng tiền. Ngày 15 tháng 12 năm 2023, Công ty đã chi trả bằng tiền với tỷ lệ là 5%.
- (ii) Công ty thực hiện trích lập Quỹ Khen thưởng phúc lợi, Ban Điều hành và Quỹ Đầu tư phát triển theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023 số 135/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐ3 ngày 22 tháng 6 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.517.303	8.276.080
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.517.303	8.276.080
- Cổ phiếu phổ thông	9.517.303	8.276.080
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	14	14
- Cổ phiếu phổ thông	14	14
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.517.289	8.276.066
- Cổ phiếu phổ thông	9.517.289	8.276.066
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	46.427.040.000	48,78%	46.427.040.000	48,78%
Công ty TNHH VP INVEST	11.830.030.000	12,43%	11.904.800.000	12,51%
Cổ đông khác	36.915.820.000	38,79%	36.841.050.000	38,71%
Cổ phiếu quỹ	140.000	0,00%	140.000	0,00%
Tổng cộng	95.173.030.000	100,00%	95.173.030.000	100,00%

Trong năm, Công ty đã thực hiện thanh toán cổ tức các năm trước cho cổ đông với giá trị là 2.235.471.375 VND (năm trước là 258.332.400 VND).

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đô la Mỹ (USD)	334,87	10.005,58
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	2.009,29	2.029,40

21. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN

Hoạt động sản xuất kinh doanh tư vấn khảo sát thiết kế chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Công ty. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là tư vấn khảo sát thiết kế trong một khu vực địa lý, vì vậy không trình bày thêm thông tin bộ phận.

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Doanh thu khảo sát, tư vấn, thiết kế	200.933.522.638	251.241.254.893
Cộng	200.933.522.638	251.241.254.893
Các khoản giảm trừ doanh thu	7.773.897	-
Giảm giá dịch vụ	7.773.897	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	200.925.748.741	251.241.254.893

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (TIẾP THEO)

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
<i>Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan</i>	<i>132.158.304.258</i>	<i>178.398.774.129</i>
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	33.814.407.308	70.636.508.284
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	32.622.604.782	40.230.790.192
CN Tổng Công ty ĐL Miền Nam TNHH - Ban QL Dự án Điện lực miền Nam	10.126.693.707	14.752.914.057
Công ty Cổ phần Thủy điện Đa Nhim - Hàm Thuận Đa Mi	9.885.633.263	5.625.672.705
Ban QLDA Truyền tải điện	8.722.565.998	15.072.178.620
Công ty cổ phần thủy điện Sông Ba Hạ	7.277.179.267	1.051.800.000
Công ty thủy điện Đồng Nai 5 - TKV	3.867.014.684	-
Công ty cổ phần thủy điện Thác Mơ	3.454.545.455	-
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	3.324.722.227	12.684.504.260
Công ty Thủy điện Buôn Kuốp	2.734.924.722	763.424.993
Ban QLDA Điện 3 - CN Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.436.063.706	-
Ban QLDA Lưới điện miền Trung	2.411.319.791	1.392.227.372
CN Tổng Công ty ĐL Miền Nam TNHH - Ban QL Dự án Lưới điện miền Nam	2.041.387.434	2.208.307.642
Công ty Thủy điện Trị An	1.723.922.222	1.368.637.864
Ban QLDA Nhiệt điện 3	1.279.213.890	1.889.212.692
Tổng Công ty Phát điện 3 - CTCP	1.016.358.530	-
Công ty TNHH MTV Thủy điện Trung Sơn	751.709.091	-
Công ty Cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa	737.500.000	-
Công ty Thủy điện Sông Bung	686.031.641	307.102.951
Ban QLDA Điện 2 - CN Tập đoàn Điện lực Việt Nam	550.771.985	1.397.642.545
Công ty Truyền tải điện 3	500.038.455	66.377.798
Công ty Nhiệt Điện Phú Mỹ	403.063.261	-
Nhà máy Nhiệt điện Vĩnh Tân 4 - CN Tập đoàn Điện lực Việt Nam	386.967.000	-
Công ty Nhiệt điện Duyên Hải	323.923.000	-
Ban QLDA Lưới điện TPHCM	314.009.182	1.137.159.093
Ban QLDA Điện nông thôn miền Trung	196.063.331	-
Ban QLDA Trung Tâm Điện Lực Ô Môn	121.686.245	976.200.000
Công ty Điện lực Sài Gòn	76.373.421	75.220.268
Ban QLDA thủy điện Sông Bung 2	74.286.764	-
Công ty Truyền tải điện Bình Định	65.393.602	165.076.100
Công ty Phát triển thủy điện Sê San - CN Tập đoàn Điện Lực Việt Nam	64.272.345	406.997.545
Công ty Thủy điện Sông Tranh - TCT Phát điện 1	55.183.460	-
Công ty Điện lực Bà Rịa Vũng Tàu	49.707.871	49.707.870
Công ty Truyền tải điện 2	26.363.636	-
Công ty Thủy điện Italy	23.148.148	-
Công ty Cổ phần Điện lực Khánh Hòa	13.254.834	39.771.402
Công ty Thủy điện An Khê-Ka Nak	-	1.625.409.800
Ban QLDA Lưới điện Đồng Nai	-	1.580.520.423
Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 1	-	750.905.211
Công ty Điện lực Cà Mau	-	687.173.280
Công ty Nhiệt điện Nghi Sơn	-	444.500.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

22. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (TIẾP THEO)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Tập đoàn Điện lực Việt Nam - Ban QLDA Nhiệt điện Vĩnh Tân	-	635.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Vĩnh Sơn - Sông Hinh	-	196.837.500
Công ty Nhiệt điện Vĩnh Tân	-	87.272.727
Công ty Thủy điện Bản Vẽ - CN Tổng Công ty Phát điện 1	-	86.720.533
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	-	54.538.980
Công ty Truyền tải điện 1	-	1.019.079
Tổng Công ty Phát điện 1 (Ban QLDA Nhiệt điện 2)	-	(1.352.270)
Công ty TNHH Điện lực Hiệp Phước	-	(47.205.387)

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ khảo sát, tư vấn, thiết kế	132.871.364.048	157.450.682.211
Cộng	<u>132.871.364.048</u>	<u>157.450.682.211</u>

24. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	704.431.103	544.456.766
Chi phí nhân công	96.498.650.148	120.071.666.763
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.716.800.132	3.586.968.695
Chi phí dịch vụ mua ngoài	42.924.608.156	25.850.766.228
Chi phí khác	55.617.299.126	83.672.537.539
Cộng	<u>198.461.788.665</u>	<u>233.726.395.991</u>

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	352.128.808	259.753.418
Cổ tức, lợi nhuận được chia	5.915.082.200	6.593.123.300
Lãi chênh lệch tỷ giá	148.971.884	132.580.371
Cộng	<u>6.416.182.892</u>	<u>6.985.457.089</u>

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	736.151.136	505.951.005
Chi phí bảo lãnh	1.102.842.650	217.216.915
Lỗ chênh lệch tỷ giá	16.857.441	24.747.118
Cộng	<u>1.855.851.227</u>	<u>747.915.038</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	420.049.800	4.042.391.833
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.345.195.585	4.262.764.005
Các khoản chi phí khác	8.790.740.700	13.729.168.760
Cộng	12.555.986.085	22.034.324.598
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	15.313.389.640	18.188.192.783
Chi phí khấu hao TSCĐ	837.470.590	1.318.327.539
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	2.802.545.868	6.004.753.205
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.563.254.873	12.895.757.243
Các khoản chi phí khác	11.943.844.674	16.383.073.167
Cộng	42.460.505.645	54.790.103.937

28. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	17.715.454.784	23.602.886.695
Điều chỉnh tăng cho thu nhập chịu thuế	497.454.637	382.991.966
Thù lao HĐQT không chuyên trách	143.520.000	108.000.000
Tiền chậm nộp thuế	353.934.637	106.859.098
Loại trừ hóa đơn hết giá trị sử dụng năm 2020	-	156.634.718
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục Tiền và Phải thu cuối năm nay	-	11.498.150
Điều chỉnh giảm cho thu nhập chịu thuế	(6.748.322.509)	(6.671.795.993)
Lợi nhuận, cổ tức được chia	(5.915.082.200)	(6.593.123.300)
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục Tiền và Phải thu cuối năm trước	(11.498.150)	(78.672.693)
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục Tiền và Phải thu cuối năm nay	(45.255.399)	-
Hoàn nhập chi phí khấu hao nhanh của Nhà cửa, vật kiến trúc năm 2020	(776.486.760)	-
Thu nhập chịu thuế	11.464.586.912	17.314.082.668
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.292.917.382	3.462.816.534
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước nộp bổ sung	439.575.893	254.347.128
Tổng Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	2.732.493.275	3.717.163.662

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

29. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước
	VND	(Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế trong năm	14.827.664.157	19.885.723.033
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	1.482.766.416	2.689.000.000
Lợi nhuận để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu	13.344.897.741	17.196.723.033
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.517.289	9.517.289
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.402	1.807
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

Ghi chú:

- (i) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023 số 135/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐ3 ngày 22 tháng 6 năm 2023, Công ty đã trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Ban Điều hành từ lợi nhuận năm 2022 với giá trị 2.689.000.000 VND. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2022 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. (Lãi cơ bản trên cổ phiếu trước khi trình bày lại là 1.880 VND/Cổ phiếu).

Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 là số tạm tính dựa trên 10% Lợi nhuận sau thuế năm 2022, được căn cứ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2023 số 135/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐ3 ngày 22 tháng 6 năm 2023.

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Hệ số đòn bẩy tài chính

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	21.086.459.781	21.526.484.688
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(26.229.294.323)	(17.305.776.510)
Nợ thuần	-	4.220.708.178
Vốn chủ sở hữu	149.428.738.987	142.048.719.330
Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu	-	0,03

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Các loại công cụ tài chính

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị hợp lý VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.229.294.323	26.229.294.323	17.305.776.510	17.305.776.510
Phải thu khách hàng và phải thu khác	170.537.267.833	170.537.267.833	176.150.735.165	176.150.735.165
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220.790.000	1.350.488.700	220.790.000	1.206.365.400
Các khoản ký quỹ	493.000.000	493.000.000	483.000.000	483.000.000
Tổng cộng	197.480.352.156	198.610.050.856	194.160.301.675	195.145.877.075
Công nợ tài chính				
Các khoản vay	21.086.459.781	21.086.459.781	21.526.484.688	21.526.484.688
Phải trả người bán và phải trả khác	32.987.317.254	32.987.317.254	24.805.099.088	24.805.099.088
Chi phí phải trả	3.913.450.787	3.913.450.787	3.358.875.181	3.358.875.181
Tổng cộng	57.987.227.822	57.987.227.822	49.690.458.957	49.690.458.957

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính như Thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tình thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
Số cuối năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	26.229.294.323	-	-	26.229.294.323
Phải thu khách hàng và phải thu khác	135.372.179.014	35.165.088.819	-	170.537.267.833
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220.790.000	-	-	220.790.000
Các khoản ký quỹ	10.000.000	483.000.000	-	493.000.000
Tổng cộng	161.832.263.337	35.648.088.819	-	197.480.352.156
Số cuối năm				
Các khoản vay	21.086.459.781	-	-	21.086.459.781
Phải trả người bán và phải trả khác	32.987.317.254	-	-	32.987.317.254
Chi phí phải trả	3.913.450.787	-	-	3.913.450.787
Tổng cộng	57.987.227.822	-	-	57.987.227.822
Chênh lệch thanh khoản thuần	103.845.035.515	35.648.088.819	-	139.493.124.334
	<u>Dưới 1 năm</u>	<u>Từ 2 - 5 năm</u>	<u>Trên 5 năm</u>	<u>Tổng</u>
	VND	VND	VND	VND
Số đầu năm				
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.305.776.510	-	-	17.305.776.510
Phải thu khách hàng và phải thu khác	134.322.083.281	41.828.651.884	-	176.150.735.165
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220.790.000	-	-	220.790.000
Các khoản ký quỹ	-	483.000.000	-	483.000.000
Tổng cộng	151.848.649.791	42.311.651.884	-	194.160.301.675
Số đầu năm				
Các khoản vay	21.526.484.688	-	-	21.526.484.688
Phải trả người bán và phải trả khác	24.805.099.088	-	-	24.805.099.088
Chi phí phải trả	3.358.875.181	-	-	3.358.875.181
Tổng cộng	49.690.458.957	-	-	49.690.458.957
Chênh lệch thanh khoản thuần	102.158.190.834	42.311.651.884	-	144.469.842.718

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

31. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan tại các thuyết minh số 6, 9, 15, 19 và 22; Công ty còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Mua hàng		
Công ty CP Thủy điện Đa Nhim- Hàm Thuận-Đa Mi	-	33.942.095
Cộng	<u>-</u>	<u>33.942.095</u>
Chi trả cổ tức		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.321.352.000	-
Cộng	<u>2.321.352.000</u>	<u>-</u>

Thù lao Hội đồng Quản trị và thu nhập của Ban Tổng Giám đốc trong năm:

	Chức vụ	Năm nay	Năm trước
		VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị		1.691.982.200	3.361.629.473
Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Chủ tịch	443.544.600	214.980.000
Ông Lạc Thái Phước	Thành viên kiêm Tổng Giám đốc	341.757.600	484.150.000
Ông Trần Quốc Điền	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc	407.460.000	1.222.789.873
Ông Trần Lê Minh	Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc	427.460.000	1.116.729.600
Ông Võ Văn Phương	Thành viên độc lập	71.760.000	36.000.000
Ông Thái Tuấn Tài	Chủ tịch (Đã miễn nhiệm)	-	214.980.000
Ông Nguyễn Phú Gia	Thành viên (Đã miễn nhiệm)	-	36.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Kế	Thành viên (Đã miễn nhiệm)	-	36.000.000
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc		847.966.800	1.325.439.000
Ông Nguyễn Công Thắng	Phó Tổng Giám đốc	847.966.800	248.468.000
Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm)	-	207.180.000
Ông Nguyễn Trí Trinh	Phó Tổng Giám đốc (Đã miễn nhiệm)	-	869.791.000
Thu nhập của Ban Kiểm soát		921.295.073	1.002.817.797
Bà Trương Thị Anh Đào	Trưởng Ban Kiểm soát	437.060.000	383.160.000
Bà Nguyễn Minh Hiếu	Thành viên	71.760.000	72.000.000
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên	412.475.073	547.657.797
Cộng		<u>3.461.244.073</u>	<u>5.689.886.270</u>

32. NỢ TIỀM TÀNG

Trong năm 2020, các Công ty bảo hiểm (bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không) đã nộp hồ sơ khởi kiện tại Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh yêu cầu các nhà thầu tư vấn có liên quan đến sự cố tại hầm dẫn dòng công trình Thủy điện Sông Bung 2 năm 2016 (bao gồm Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3, Viện nghiên cứu Khảo sát Thiết kế Côn Minh và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2) phải liên đới bồi hoàn số tiền 6.516.225.000 VND cho các Công ty Bảo hiểm nêu trên, trong đơn khởi kiện không nêu rõ số tiền bồi hoàn của từng nhà thầu tư vấn. Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bản ý kiến vào ngày 22 tháng 9 năm 2020 nêu rõ sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm tư vấn thiết kế của Công ty, do đó, Công ty không phải chịu trách nhiệm bồi hoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

32. NỢ TIỀM TÀNG (TIẾP THEO)

Vào tháng 6 năm 2021, Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có thông báo về việc thụ lý vụ án bổ sung số 49A/TB-TA ngày ngày 28 tháng 6 năm 2021, trong đó điều chỉnh số tiền yêu cầu các Nhà thầu tư vấn phải liên đới bồi hoàn từ 6.516.225.000 VND thành 14.871.605.885 VND. Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bản ý kiến vào ngày 16 tháng 12 năm 2021, trong đó tiếp tục khẳng định quan điểm sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm của tư vấn thiết kế KHIDI & PECC3, do vậy, PECC3 không phải chịu trách nhiệm đối với một sản phẩm không phải là sản phẩm thiết kế của mình, nên không phải liên đới bồi thường thiệt hại mà Nguyên đơn yêu cầu. Ngoài ra, trong văn bản này, Công ty đề nghị Tòa án trung cầu giám định bộ hồ sơ thiết kế hầm dẫn dòng của PECC3 và KHIDI để xác định lỗi cụ thể của PECC3 (nếu có).

Ngày 02 tháng 11 năm 2022, Viện Nghiên cứu Khảo sát Thiết kế Côn Minh (KHIDI) cũng đã có bản giải trình gửi Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, trong đó KHIDI đề nghị Tòa án xem xét lại thời hiệu khởi kiện và bác bỏ các yêu cầu không có cơ sở pháp lý của Nguyên đơn.

Trong năm 2022, Công ty cũng nhận được Thông báo số 39/2022/TLBS của Tòa án Nhân dân Quận Bình Thạnh ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện, trong đó Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4-CTCP kiện PECC3 và Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô liên đới bồi thường giá trị còn lại của các thiết bị, xe máy tại thời điểm cuốn trôi trong sự cố vỡ Hầm dẫn dòng công trình Thủy điện Sông Bung 2 với số tiền là 6.595.720.000 VND. Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân Quận Bình Thạnh bản ý kiến vào ngày ngày 26 tháng 7 năm 2022 đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và loại bỏ trách nhiệm của Công ty đối với đền bù thiệt hại. Bản tự khai nêu rõ sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm của tư vấn thiết kế KHIDI & Công ty, do vậy, Công ty không phải chịu trách nhiệm đối với một sản phẩm không phải là sản phẩm thiết kế của mình, nên không phải liên đới bồi thường thiệt hại mà Nguyên đơn yêu cầu. Ngoài ra, Công ty cũng đề nghị Tòa án trung cầu giám định bộ hồ sơ thiết kế hầm dẫn dòng của Công ty và KHIDI để xác định lỗi cụ thể của Công ty (nếu có).

Trong năm 2023, Công ty đã nhận được Thông báo số 1837/2023/QĐST-DS của Tòa án Nhân dân Quận Bình Thạnh ngày 19 tháng 9 năm 2023 về việc chuyển hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 1745/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Tòa án Nhân dân Quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh đến Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, Công ty chưa nhận được thông báo của Tòa án Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về lịch hòa giải và xét xử. Theo đó, Báo cáo tài chính tổng hợp này chưa bao gồm những ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến kết quả vụ kiện nêu trên.

33. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty thuê nhà tại Số 32, Ngô Thời Nhiệm, Phường Võ Thị Sáu, Quận 3, TP. Hồ Chí Minh để làm trụ sở làm việc theo Phụ lục Hợp đồng thuê nhà số 145/PLHĐ-QLKDN-KD ngày 14 tháng 8 năm 2023 với Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà TP. HCM. Thời hạn thuê là 02 năm kể từ ngày ngày 01 tháng 01 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2024 với đơn giá thuê đã bao gồm thuế giá trị gia tăng là 499.500.000 VND/tháng, tiền thuê được trả hàng quý.

Tiền thuê được trả theo lịch như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng 1 năm	5.994.000.000	5.484.000.000
Cộng	5.994.000.000	5.484.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

34. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm không bao gồm 19.658.333 VND là số tiền lãi phải thu trong năm mà chưa thu được, nhưng đã bao gồm 7.777.778 VND là số tiền lãi phải thu năm trước đã thu được trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần Tăng, giảm các khoản phải thu.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 3.326.203.000 VND là số cổ tức phải trả phát sinh trong năm nay chưa thanh toán, nhưng đã bao gồm 803.029.875 VND là số cổ tức năm trước được thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần Tăng, giảm các khoản phải trả.



Lạc Thái Phước
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Phạm Hoàng Vinh
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy
Người lập biểu

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
CÔNG TY CP
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số : 659 /TVĐ3-KT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 02 năm 2024

V/v giải trình chênh lệch lợi nhuận sau thuế so với cùng kỳ năm trước của đơn vị kế toán cấp trên và báo cáo tài chính tổng hợp.

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Căn cứ theo quy định tại điểm 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;

- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2022 và năm 2023 trên báo cáo tài chính đơn vị kế toán cấp trên và báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;

Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 xin giải trình kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 so với cùng kỳ năm trước như sau:

So sánh kết quả sản xuất kinh doanh năm 2023 và năm 2022:

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Chênh lệch	So sánh (%)
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e=d-c</i>	<i>f=e:c</i>
I	Báo cáo tài chính đơn vị kế toán cấp trên				
1	Doanh thu thuần	250.410.195.371	197.328.904.304	-53.081.291.067	-21,20%
2	Lợi nhuận sau thuế	18.692.655.357	14.706.378.693	-3.986.276.664	-21,33%
II	Báo cáo tài chính tổng hợp				
1	Doanh thu thuần	251.241.254.893	200.925.748.741	-50.315.506.152	-20,03%
2	Lợi nhuận sau thuế	19.885.723.033	14.827.664.157	-5.058.058.876	-25,44%

Lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính đơn vị kế toán cấp trên và Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2023 giảm trên 10% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là: Doanh thu thuần giảm so với cùng kỳ năm trước.

Trên đây là giải trình của Công ty chúng tôi về biến động kết quả kinh doanh trong báo cáo tài chính đơn vị kế toán cấp trên và báo cáo tài chính tổng hợp của năm 2023./.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, KT.



Lạc Thái Phước